

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**NGUYỄN THỊ NGỌC ANH**

**BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI CÁC ĐỀ TÀI  
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG CÁC TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC, QUA THỰC TIỄN TẠI ĐẠI HỌC HUẾ**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 8380107**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019**

Công trình được hoàn thành tại:  
**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Ngô Thị Hương**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp  
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....



## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài .....	2
3. Mục đích nghiên cứu của đề tài .....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Ý nghĩa khoa học và giá trị thực tiễn của luận văn.....	5
7. Bố cục của Luận văn .....	5
<b>CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ .....</b>	<b>6</b>
1.1. Khái quát về đề tài khoa học công nghệ .....	6
1.1.1. Khái niệm đề tài khoa học công nghệ:.....	6
1.1.2. Đặc điểm của đề tài khoa học công nghệ.....	6
1.2. Khái quát về bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ6	
1.2.1. Khái niệm quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ .....	6
1.2.2. Đặc điểm của quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ.....	6
1.2.3. Khái niệm, ý nghĩa bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ .....	6
1.3. Khung pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ .....	7
1.3.1. Các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ:.....	7
1.3.2. Các quy định của pháp luật quốc tế về bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ.....	7
1.3.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với các đề tài khoa học công nghệ.....	7
1.4. Một số vấn đề trong thực hiện bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ.....	7
Tiểu kết chương.....	8
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ.....</b>	<b>9</b>
2.1. Thực trạng pháp luật bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ. ....	9
2.1.1. Đối tượng bảo hộ.....	9
2.1.2. Chủ thể của quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ .....	9

2.1.3. Phương thức bảo hộ đề tài khoa học công nghệ.....	13
2.1.4. Khai thác và chuyển giao kết quả nghiên cứu đề tài khoa học công nghệ.....	14
2.1.5. Đánh giá thực trạng quy định pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với các đề tài nghiên cứu khoa học .....	16
2.2. Thực tiễn bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ tại Đại học Huế .....	19
2.2.1. Tình hình bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ tại Đại học Huế .....	19
2.2.2. Những vướng mắc trong bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ tại Đại học Huế.....	21
<b>CHƯƠNG 3 ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TẠI ĐẠI HỌC HUẾ .....</b>	<b>25</b>
3.1. Nhu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ .....	25
3.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật về quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ .....	25
3.3. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ .....	28
3.3.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ .....	28
3.3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện về quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ tại Đại học Huế .....	30
Tiểu kết chương 3 .....	31
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>32</b>



## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngay từ thời kỳ cổ đại và trung cổ, pháp luật đã có quy định quyền cho những vật mang sản phẩm trí tuệ, đặc biệt về sở hữu. Khi thời kỳ phục hưng bắt đầu, cá nhân con người trở nên quan trọng hơn và đặc biệt là quyền tác giả cũng được quy định để thưởng cho những sản phẩm sáng tạo của họ. Đến thế kỷ thứ 18, lần đầu tiên đã có các lý thuyết về các quyền giống như sở hữu cho lao động trí óc và cả sở hữu phi vật chất. Hiện nay, Công ước Berne được xem là kim chỉ nam thiết lập và bảo vệ quyền tác giả giữa những quốc gia có chủ quyền, các nước tham gia Công ước này đều có những quy định và điều luật điều chỉnh phù hợp với nội dung của Công ước. Như vậy, quyền tác giả là một công cụ pháp lý quan trọng để bảo hộ sự sáng tạo; tác giả, chủ sở hữu được trao các quyền và lợi ích hợp lý sẽ khuyến khích sáng tạo, phát triển và phổ biến các sáng tạo khoa học, nhờ vậy mọi người được tạo điều kiện để tiếp cận và hưởng thụ những sáng tạo đó.

Các đại học, các trường đại học hiện nay có chức năng chính là giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, sự kích thích sáng tạo trong các cơ sở giáo dục được thể hiện thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, các công trình NCKH của các giảng viên, sinh viên ngày càng được thương mại hóa, chuyển giao công nghệ, đưa các kết quả nghiên cứu áp dụng vào thực tiễn sản xuất kinh doanh. Sản phẩm của hoạt động NCKH là hết sức đa dạng về cả nội dung lẫn hình thức thể hiện; tuy nhiên, lại có một đặc điểm chung là ít nhiều đều mang bản chất thông tin, có thể là thông tin tự thân (quy luật, phương pháp, bí quyết...) hoặc thông tin hàm chứa (trong kỹ năng, công cụ...). Do bản chất có tính thông tin này, các sản phẩm đó trong thực tế rất dễ được sao chép, nhân bản, phổ biến, phân phối..., khiến cho sự cảm nhận về tính tài sản của chúng và quyền sở hữu đối với chúng ít nhiều bị giảm đi độ xác thực. Tâm lý này hiện vẫn khá phổ biến và chi phối cách thức ứng xử, không chỉ của giới nghiên cứu hàn lâm, mà cả của giới sản xuất công nghiệp và giới quản lý hoạt động khoa học công nghệ. Thế nên, việc vi phạm bản quyền trong các công trình NCKH và sử dụng trái phép các tài sản trí tuệ này trở nên đa dạng, phức tạp và gây không ít tác hại đến bản thân người sáng tạo cũng như người áp dụng. Thực tế cho thấy, việc xác định chủ sở hữu, quyền sở hữu, quyền tác giả kết quả nghiên cứu lại không đơn giản, tuy đã được quy định tại Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và được lần lượt quy định trong các Điều 41, 42 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2018 (văn bản hợp nhất) nhưng nó chỉ thể hiện đơn giản qua nội dung sau: “Tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện công trình khoa học và

công nghệ là tác giả của công trình đó, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác trong hợp đồng khoa học và công nghệ”.

Quy định trên đây chưa giải quyết được các trường hợp cụ thể: kết quả nghiên cứu là sự sáng tạo của nhiều tác giả với các mức độ đóng góp khác nhau; kết quả nghiên cứu do nhiều người đầu tư tài chính để thực hiện; kết quả nghiên cứu vừa được bảo hộ theo pháp luật về quyền tác giả, vừa được bảo hộ theo pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp; cũng chưa giải quyết được việc phân định quyền sở hữu đối với kết quả nghiên cứu trong trường hợp “sáng chế công vụ” (Employee Invention).<sup>1</sup>

Việc xác định bảo hộ chưa rõ ràng dẫn tới những kết quả nghiên cứu đề tài KHCN đã được nghiệm thu không được đưa vào sử dụng, khai thác nên chủ nghiệm hay nhóm nghiên cứu toàn quyền sử dụng hay chuyển giao mà không cần sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả. Như vậy, Nhà nước tốn một khoản ngân sách hàng năm rất lớn cho các đề tài KHCN nhưng thực sự chưa mang lại hiệu quả. Bên cạnh đó, các trường đại học ở Việt Nam hiện nay chưa có thói quen định giá, tiếp thị và chuyển giao các kết quả nghiên cứu nên sau khi nghiệm thu xong các kết quả nghiên cứu xếp trong danh mục nghiên cứu.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả chọn đề tài: "Bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ trong các trường đại học, qua thực tiễn tại Đại học Huế" để làm đề tài cho luận văn thạc sĩ Luật học của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Thực tế cho thấy các công trình nghiên cứu liên quan đến Bảo hộ QTG, ở Việt Nam còn hạn chế. Một cách khái quát, có thể liệt kê những công trình nghiên cứu chủ yếu của các tác giả liên quan đến Bảo hộ QTG, QLQ như sau:

Sách “Quyền tác giả ở Việt Nam – Pháp luật và thực thi” do PGS.TS. Trần Văn Nam chủ biên, Nxb Tư Pháp 2014 đã phân tích các quy định về quyền tác giả và thực tiễn thực thi, đưa ra một số nhóm giải pháp để hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này.

Bài viết Xác định chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học (2009), Trần Văn Hải - Tạp chí hoạt động khoa học, số 589, Bộ Khoa học và Công nghệ. Bài viết đã chỉ ra những vướng mắc trong việc xác định tác giả hay đồng tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả đối với các tác phẩm khoa học trong các trường đại học. Thông thường các nhóm nghiên cứu sử dụng ngân sách Nhà nước nhưng khi nghiên cứu xong thường cho rằng mình là chủ sở hữu quyền tác giả.

---

<sup>1</sup>. Xác định chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học (2009), Trần Văn Hải - Tạp chí hoạt động khoa học, số 589, Bộ Khoa học và Công nghệ, tr28



Bài viết Thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học, thực tiễn tại Đại học Huế và Đà Nẵng (2016) của Đoàn Đức Lương và Đỗ Thị Diện tại Hội thảo khoa học, Bộ Khoa học và Công nghệ. Bài viết đã phân tích các kết quả nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, các phương thức chuyển giao và thực tiễn chuyển giao tại hai đại học vùng. Từ đó nhóm tác giả đã đề xuất những giải pháp về bảo hộ và chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học.

Luận văn thạc sĩ của Hoàng Thị Giang – Khoa Luật - Đại học Huế - Năm 2013 “Bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính”. Tác giả đề cập nghiên cứu một cách có hệ thống các chính sách, quy định pháp luật về bảo hộ QTG đối với chương trình máy tính ở nước ta hiện nay, nhất là từ khi Việt Nam gia nhập tổ chức Thương mại thế giới là điều cần thiết góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật Sở hữu trí tuệ nói chung và pháp luật bảo hộ QTG, mà cụ thể là quyền tác giả đối với chương trình máy tính nói riêng.

Luận văn thạc sĩ của Nguyễn Anh Đức - Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội - Năm 2014 “Bảo hộ quyền tác giả trước những xâm phạm từ Internet trên thế giới và Việt Nam”. Tác giả nghiên cứu cung cấp những kiến thức chuyên ngành pháp luật nhân quyền quốc tế đối với việc bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan để đi tới khẳng định rằng QTG, QLQ là những quyền con người cơ bản đã được quốc tế thừa nhận, đặc biệt thể hiện rõ ở Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền 1948 và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa 1966 của Liên hợp quốc

Luận văn thạc sĩ của Nguyễn Thị Hương – Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội – Năm 2014 “Trách nhiệm dân sự do xâm phạm quyền tác giả theo pháp luật Việt Nam” .Tác giả nghiên cứu, phân tích một số vấn đề lý luận về trách nhiệm dân sự và các hành vi xâm phạm quyền tác giả, làm rõ các quy định về trách nhiệm dân sự do xâm phạm QTG theo pháp luật Việt Nam.

Từ kết quả khảo sát như trên, có thể nhận thấy ở Việt Nam hiện nay chưa có công trình nào ở cấp độ luận văn thạc sĩ luật học hay luận án tiến sĩ luật học nghiên cứu riêng về bảo hộ quyền tác giả đối với các đề tài KHCN trong các trường đại học.

Vì vậy, có thể cho rằng đề tài luận văn này của tác giả là một công trình có tính khoa học cũng như thực tiễn, đáp ứng được các yêu cầu đối với một công trình nghiên cứu ở cấp độ luận văn thạc sĩ Luật học.

### **3. Mục đích nghiên cứu của đề tài**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Luận văn luận giải cơ sở lý luận và thực tiễn bảo hộ QTG đối với các kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN nói chung và cụ thể là tại Đại học Huế nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về bảo hộ QTG trong lĩnh vực này.

### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Trên cơ sở mục đích nghiên cứu, luận văn có các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Làm rõ các khái niệm bảo hộ QTG, QTG đối với các kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN.
- Phân tích khái quát nội dung bảo hộ QTG đối với các kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN.
- Phân tích thực trạng pháp luật về bảo hộ QTG đối với các kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN.
- Đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về bảo hộ QTG đối với các kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN.
- Đưa ra các nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về bảo hộ QTG đối với các kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài**

Đối tượng nghiên cứu là các quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế về bảo hộ QTG đối với các kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN trong nghiên cứu thực tiễn tại Đại học Huế, bao gồm Các công bố quốc tế, công bố trong nước, mô hình, kết quả nghiên cứu lý thuyết (chưa đăng ký sáng chế hay giải pháp hữu ích).

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

+ Phạm vi nội dung: Luận văn nghiên cứu bảo hộ QTG đối với các kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN bao gồm: Điều kiện, trình tự thủ tục bảo hộ và một phần chuyên giao theo pháp luật tại Đại học Huế.

+ Phạm vi thời gian: Từ năm 2013 – 2018

+ Địa bàn nghiên cứu: Đại học Huế

Ngoài các vấn đề đã nêu trên không thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài này. Trong quá trình nghiên cứu, có thể tác giả sẽ đề cập đến những nội dung khác nhưng với mục đích là góp phần làm rõ thêm đối tượng nghiên cứu.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Phương pháp luận**

Phương pháp nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lê Nin để đánh giá các quan điểm trên cơ sở biện chứng; dựa trên quan điểm phát triển khoa học công nghệ của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình hoàn thành luận văn, tác giả sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau đây:

\* Phương pháp phân tích, tổng hợp:

\* Phương pháp so sánh

Ngoài ra Luận văn còn sử dụng một số phương pháp khác như: Phương pháp lịch sử và phương pháp thống kê, tổng hợp hỗ trợ quá trình đánh giá thực trạng pháp luật và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hộ QTG đối với các kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN.

## **6. Ý nghĩa khoa học và giá trị thực tiễn của luận văn**

Sau khi được hoàn thành, đề tài sẽ làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn pháp lý về bảo hộ QTG đối với các kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng và thực hiện pháp luật về bảo hộ QTG đối với các kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN để phát huy được những giá trị nghiên cứu.

## **7. Bố cục của Luận văn**

Luận văn được chia làm 3 phần: Lời mở đầu, phần nội dung và phần kết luận

Chương I. Cơ sở lý luận và khung pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ

### 1.1 Khái quát về đề tài khoa học công nghệ

Chương II. Thực trạng pháp luật và thực tiễn về bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ

Chương III. Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện về quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ tại Đại học Huế

# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

### 1.1. Khái quát về đề tài khoa học công nghệ

#### 1.1.1. Khái niệm đề tài khoa học công nghệ:

#### 1.1.2. Đặc điểm của đề tài khoa học công nghệ

### 1.2. Khái quát về bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ

#### 1.2.1. Khái niệm quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ

#### 1.2.2. Đặc điểm của quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ

#### 1.2.3. Khái niệm, ý nghĩa bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ

##### 1.2.3.1. Khái niệm bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ

Theo Từ điển Tiếng Việt thì “bảo hộ” có nghĩa là sự che chở và không để bị tổn thất. Như vậy, bảo hộ quyền tác giả chính là sự đảm bảo của Nhà nước đối với các tác phẩm để các tác phẩm đó không bị xâm phạm hay tổn thất bởi người khác. Thông qua các quy định của pháp luật để xác định các quyền của các chủ thể đối với tác phẩm, xác định hành vi bị coi là xâm phạm cũng như thiết lập các phương thức bảo vệ quyền của tác giả, Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo hộ của mình một cách thuyết phục nhất.

Như vậy, khái niệm bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ chính là sự quy định của Nhà nước thông qua các văn bản pháp luật để xác định cá nhân, tổ chức là tác giả, CSH QTG đối với đề tài KH-CN, xác định các quyền của các chủ thể đó đối với đề tài KH-CN, xác định các hành vi bị coi là xâm phạm QTG và quy định các biện pháp được thực hiện để bảo vệ QTG đối với đề tài KH-CN. Có thể thấy rằng việc bảo hộ quyền tác giả có hiệu quả sẽ là một cơ chế tác động qua lại về lợi ích giữa những người sáng tạo và lợi ích chung của xã hội.

##### 1.2.3.2. Ý nghĩa của việc bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài KH-CN

Bảo hộ QTG được xem là một trong những nguyên tắc cơ bản của bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong sự vận động của nền kinh tế thế giới. Với sự chuyển biến của KH-CN trong thời đại kỹ thuật số ngày nay, việc các đề tài nghiên cứu và ứng dụng cao của các sáng tạo kỹ thuật được áp dụng rộng khắp và mang lại nhiều lợi ích thiết thực thì việc bảo hộ QTG đối với các đề tài KH-CN là yêu cầu tất yếu và mang nhiều ý nghĩa như sau:

\* Ý nghĩa về mặt kinh tế:

\* Ý nghĩa về mặt tinh thần:

### **1.3. Khung pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ**

*1.3.1. Các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ:*

*1.3.2. Các quy định của pháp luật quốc tế về bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ*

*1.3.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với các đề tài khoa học công nghệ*

### **1.4. Một số vấn đề trong thực hiện bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ**

Ý tưởng về quyền tác giả đã hình thành ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946 của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và được tiếp tục ghi nhận ở các bản Hiến pháp sau. Cùng với tiến trình phát triển và hội nhập, pháp luật Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp quy quy định, điều chỉnh và hướng dẫn thi hành các nội dung về QTG tạo thành hệ thống thống nhất.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện bảo hộ quyền tác giả nói chung và bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài KHCN nói riêng đã gặp rất nhiều sự tác động, cả tích cực và mặt hạn chế. Cụ thể là

Các quy định pháp luật về QTG về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu bảo hộ QTG nói chung và thực thi các hiệp định song phương về quyền tác giả. Các quy định này đã xác lập được hành lang pháp lý an toàn, khuyến khích các hoạt động sáng tạo, bảo hộ QTG của những tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học do lao động tư duy sáng tạo ra. Nó bảo đảm việc điều chỉnh hầu hết các quan hệ xã hội ở lĩnh vực này, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, dự báo được xu thế phát triển trong nước và quốc tế. Nó còn thể hiện tư tưởng tiến bộ, nhân văn về quyền con người của Nhà nước Việt Nam.

Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) có hẳn một hiệp định riêng về quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) và quy định rằng các thành viên của WTO có nghĩa vụ tuân thủ theo Công ước Berne. Điều này không phải là ngẫu nhiên mà là sự bắt buộc có chủ đích, vì trong kinh tế thế giới, quyền SHTT không trừu tượng mà mang lại lợi ích kinh tế và được giao dịch một cách trực tiếp, mang lại quyền và lợi nhuận kinh tế rất lớn trong giao thương các nước. Chính vì vậy Hiệp định TRIPS và Công ước Berne đã thống nhất các chuẩn mực chung tối thiểu về Luật quyền sở hữu công nghệ và luật QTG mà các nước thành viên có nghĩa vụ tuân thủ. Các nước thành viên không được ra các điều luật hạ thấp chuẩn mực bảo vệ QTG hơn chuẩn của CƯ Berne.

Tuy nhiên, luật về QTG đang còn nhiều kẽ hở, không thể bảo vệ QTG theo chuẩn mực tối thiểu của Công ước Berne. Việt Nam tiếp cận đến vấn đề bảo hộ QTG từ lúc mở cửa nền kinh tế, do vậy còn gặp nhiều khó khăn khi

áp dụng các điều luật quốc tế hay các điều luật của quốc gia, việc đảm bảo quyền lợi cho tác giả và các quyền liên quan không được bảo hộ đầy đủ nên ảnh hưởng lớn đến cơ chế bảo hộ, chưa tạo ra môi trường pháp lý vững chắc để khuyến khích sự sáng tạo cũng như công tác chuyển giao công nghệ.

### **Tiểu kết chương**

Quyền tác giả là một nội dung của quyền sở hữu trí tuệ. Việc thực thi các quy định bảo hộ quyền tác giả có hiệu quả vẫn đang là vấn đề của nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam. Những quy định về quyền tác giả và quyền liên quan được Pháp luật Việt Nam quy định chặt chẽ, đầy đủ và phù hợp với pháp luật các nước trên thế giới và các điều ước quốc tế như Công ước Berne, Công ước Geneva, Công ước Brussels và các Điều ước quốc tế song phương mà Việt Nam đã tham gia, Các quy định về sở hữu trí tuệ trong đó có quy định bảo hộ QTG đối với các đề tài KH-CN đã tạo môi trường an toàn cho phát triển sự sáng tạo, ngăn chặn tình trạng vi phạm bản quyền đang ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, để các quy định này phát huy có hiệu quả cần phải có nỗ lực từ Nhà nước, xã hội và chủ thể quyền tác giả trong việc tổ chức thực hiện và áp dụng sở hữu trí tuệ. Những nội dung về bảo hộ QTG đối với đề tài KH-CN được trình bày tại chương này sẽ là tiền đề lý luận cho việc nghiên cứu pháp luật Việt Nam về bảo hộ QTG đối với đề tài KH-CN trong các chương tiếp theo.

## CHƯƠNG 2

# THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

### **2.1. Thực trạng pháp luật bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ.**

#### ***2.1.1. Đối tượng bảo hộ***

Những nước phát triển trên thế giới xem việc bảo hộ QTG đối với các kết quả nghiên cứu đã trở thành một tập quán trong hoạt động khoa học công nghệ. Vì vậy, để bảo hộ QTG đối với đề tài KHCN thì cần phải đáp ứng các điều kiện bảo hộ như sau:

- \* Điều kiện về tính chất:
- \* Điều kiện về tính nguyên gốc của sản phẩm:
- \* Điều kiện về hình thức thể hiện:

#### ***2.1.2. Chủ thể của quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ***

Quy định của Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005 tại khoản 1 Điều 13 về chủ thể quyền tác giả như sau: Tổ chức, các nhân có tác phẩm được bảo hộ QTG gồm người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm và chủ sở hữu quyền tác giả quy định ở các Điều từ Điều 37 đến Điều 42 của Luật này. Hiểu theo quy định này thì chủ thể quyền tác giả của đề tài KHCN sẽ bao gồm tác giả (người trực tiếp sáng tạo ra đề tài KHCN) và chủ sở hữu quyền tác giả đối với đề tài KHCN.

##### ***2.1.2.1. Chủ thể của quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ là tác giả***

Tại Điều 8 Nghị định 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan đã cụ thể hóa khái niệm tác giả là người trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm, bao gồm: cá nhân Việt Nam có đề tài KHCN được bảo hộ QTG, cá nhân nước ngoài có đề tài KHCN được sáng tạo và thể hiện bằng hình thức vật chất nhất định tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài có tác phẩm là đề tài KHCN được bảo hộ tại Việt Nam theo điều ước quốc tế về quyền tác giả mà nước ta là thành viên. Trên cơ sở đó, có thể phân loại tác giả như sau:

\* Căn cứ vào số lượng người tham gia trực tiếp để tạo nên tác phẩm: ta có tác giả đơn nhất và đồng tác giả.

\* Căn cứ vào nguồn gốc của đề tài KHCN thì phân loại thành tác giả là người trực tiếp sáng tạo nên đề tài KHCN và tác giả là người dựa trên đề tài gốc để tạo ra một đề tài mới gọi là đề tài phái sinh.

\* Căn cứ vào mối quan hệ sở hữu trong quá trình sáng tạo ra đề tài KHCHN thì có tác giả đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả và tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả đề tài KHCHN.

#### 2.1.2.2. Chủ sở hữu quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ

\* Chủ sở hữu quyền tác giả là tác giả:

Về mặt thuật ngữ, tác giả là từ có nguồn gốc Hán Việt và có nghĩa là người làm một tác phẩm, người tạo nên một tác phẩm.

Về mặt pháp lý, tác giả là người đầu tư toàn bộ về mặt thời gian, công sức và cũng là cá nhân duy nhất bằng lao động trí tuệ của mình sáng tạo ra đề tài KHCHN. Những người cung cấp số liệu, tư liệu, hỗ trợ, góp ý không thể là tác giả. Vì vậy chủ sở hữu QTG là một nên chủ thể của QTG đối với đề tài KHCHN được hưởng quyền nhân thân và quyền tài sản theo quy định của Luật SHTT tại Điều 19 và Điều 20 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

\* Chủ sở hữu quyền tác giả là đồng tác giả:

\* Chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức, cá nhân giao nhiệm vụ cho tác giả hoặc cá nhân giao kết hợp đồng với tác giả.

Tác giả sáng tạo ra đề tài KHCHN lúc này có thể do nhiệm vụ hoặc sự giao kết hợp đồng với các chủ thể khác.

Điều 39 Luật SHTT đã quy định: tổ chức giao nhiệm vụ cho tác giả thuộc tổ chức mình hoặc tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng với tác giả sáng tạo ra đề tài KHCHN là chủ sở hữu quyền tác giả đối với đề tài KHCHN và được hưởng các quyền. Bao gồm quyền nhân thân được quy định tại Khoản 3 Điều 19 và quyền tài sản tại Điều 20 Luật SHTT năm 2005 trừ khi có thỏa thuận khác.

Đối với tổ chức giao nhiệm vụ cho một người hoặc một nhóm người thực hiện thì tổ chức đó là chủ sở hữu tác phẩm có các quyền tài sản và quyền công bố, cho người khác công bố tác phẩm.

QTG đối với đề tài KHCHN phát sinh ngay sau khi ý tưởng sáng tạo của tác giả được thể hiện dưới dạng vật chất nhất định, không phụ thuộc vào việc tác phẩm đã công bố hoặc chưa công bố; đã đăng ký bảo hộ hoặc chưa đăng ký bảo hộ.

Theo quy định của pháp luật về SHTT Việt Nam, QTG, trong đó có QTG đối với đề tài KHCHN được tạo thành bởi các quyền nhân thân và các quyền tài sản. Nội dung QTG được quy định tại Điều 19 đến 20 Luật SHTT, Điều 22 và Điều 23 của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 85/2011/NĐ-CP, Nghị định 22/2018/NĐ-CP. Tùy theo vị trí và vai trò của mình đối với đề tài KHCHN, mỗi một chủ thể sẽ được hưởng các quyền nhất định. Chỉ có tác giả đồng thời là CSH của QTG mới có đầy đủ quyền nhân thân và quyền tài sản đối với đề tài KHCHN.

Thứ nhất, quyền nhân thân

Thứ hai, quyền tài sản



### *2.1.2.3. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với các đề tài nghiên cứu khoa học*

Thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài KHCV là khoảng thời gian do pháp luật quy định mà trong khoảng thời gian này quyền của tác giả và của CSHT QTV đợc Nhà nước thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại Điều 27 Luật SHTT, thời hạn bảo hộ QTV đợc xác định như sau:

Thời hạn bảo hộ quyền nhân thân

Thời hạn bảo hộ quyền tài sản

Việc quy định thời hạn bảo hộ đối với tác phẩm như vậy một mặt nhằm đảm bảo quyền, lợi ích cho tác giả trong việc khai thác giá trị kinh tế của tác phẩm để mang lại thu nhập cho mình cũng như đợc lại tác phẩm như một di sản thừa kế và người thừa kế sẽ tiếp tục khai thác giá trị kinh tế của tác phẩm này cho đến khi nó hết thời hạn bảo hộ. Mặt khác, bằng việc quy định sau khi hết thời hạn bảo hộ thì tác phẩm hoàn toàn thuộc về công chúng, quy định này cũng đã cân bằng đợc quyền, lợi ích của tác giả với lợi ích của xã hội. Việc công chúng đợc sở hữu tác phẩm hết thời hạn bảo hộ góp phần thúc đẩy các tác giả tiếp tục sáng tạo ra những tác phẩm mới độc đáo hơn, có sức sống hơn, qua đó góp phần thúc đẩy sự phát của xã hội nói chung<sup>2</sup>.

### *2.1.2.4. Giới hạn bảo hộ quyền tác giả đối với các đề tài nghiên cứu khoa học*

Theo Điều 25 Luật SHTT thì các trường hợp cá nhân, tổ chức có quyền sử dụng đề tài NCKH đợc công bố mà không phải xin phép, không phải trả tiền cho tác giả, CSHT đề tài KHCV gồm có:

Tự sao chép nhằm mục đích NCKH, giảng dạy của cá nhân hoặc sao chép để lưu trữ trong thư viện; Quy định của Luật SHTT và Nghị định hướng dẫn “tự sao chép” nghĩa là người cần nghiên cứu, giảng dạy sao chép một bản phục vụ cho chính mình. Khi ý thức thực thi bảo hộ QTV kém thì việc xác định mục đích sử dụng rất khó minh bạch cần phải quy định cụ thể rõ ràng hơn về vấn đề sao chép cho mục đích cá nhân.<sup>3</sup>

Trích dẫn hợp lý để bình luận hoặc minh họa trong đề tài KHCV của mình hoặc để viết báo dùng trong ấn phẩm định kỳ hoặc để giảng dạy trong nhà trường, mà không làm sai ý tác giả, không nhằm mục đích thương mại;

Chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị;

Nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng.

---

<sup>2</sup>Nguyễn Kim Thoa, “Quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc theo pháp luật Việt Nam”, Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015, tr45

<sup>3</sup>Lê Thị Thanh Tâm, “Quyền tác giả đối với công trình nghiên cứu khoa học theo pháp luật sở hữu trí tuệ từ thực tiễn Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh”, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Học viện khoa học xã hội - Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, 2017, tr60

Tổ chức phát sóng sử dụng tác phẩm đã công bố để phát sóng không có tài trợ, quảng cáo hoặc không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào không phải xin phép, nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao cho CSH QTG đối với đề tài KHCN kể từ khi sử dụng theo quy định của Chính phủ.

#### 2.1.2.5. Xác lập quyền tác giả đối với các đề tài nghiên cứu khoa học

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật SHTT về Căn cứ phát sinh, xác lập quyền SHTT “QTG phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký.”

Vì QTG được pháp luật bảo vệ ngay từ khi đề tài KHCN hình thành dù có đăng ký hay không đăng ký, điều đó có nghĩa là đề tài KHCN không đăng ký bảo hộ và có đăng ký bảo hộ đều có cơ chế bảo hộ giống nhau. Do việc thực thi QTG ở Việt Nam trong thời gian qua chưa có hiệu quả, có rất nhiều trường hợp đề tài KHCN bị chiếm đoạt, khó khăn trong việc xác định CSH QTG thực sự, nên việc đăng ký QTG hiện nay được coi là một cơ chế hỗ trợ không bắt buộc để bảo vệ QTG, nghĩa là CSH QTG có thể lựa chọn việc đăng ký, điều này không ảnh hưởng đến quyền được bảo hộ của CSH QTG. Việc đăng ký chỉ mang ý nghĩa xác nhận đối với đề tài NCKH, chứ không có ý nghĩa chứng minh QTG thuộc về người đăng ký, người đứng tên trong Giấy chứng nhận, vì nếu có cá nhân, tổ chức khác có bằng chứng, chứng minh được việc người đã đăng kí đứng tên không phải CSH QTG, thì người đăng ký, đứng tên đó cũng không được bảo hộ QTG đối với đề tài KHCN. CSH QTG có thể đăng ký bảo hộ QTG tại cục bản quyền, dù không bắt buộc thì vẫn nên đăng ký bảo hộ. Trong trường hợp khi phát sinh tranh chấp QTG, tác giả, CSH QTG phải có nghĩa vụ chứng minh quyền của mình đối với đề tài KHCN đó, tức phải cung cấp các tài liệu, chứng cứ, chứng minh quyền sở hữu hợp pháp của mình. Văn bằng bảo hộ QTG là một căn cứ hợp pháp, là cơ sở tốt nhất, là bằng chứng rõ ràng nhất chứng minh quyền sở hữu của tác giả, của CSH QTG đối với đề tài KHCN mà họ sáng tạo ra hoặc sở hữu<sup>4</sup>.

#### 2.1.2.6. Xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với các đề tài nghiên cứu khoa học

Trong thực tế, hành vi vi phạm QTG đối với tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật rất phức tạp và xảy ra thường xuyên với nhiều hình thức và mức độ khác nhau. Theo quy định tại Điều 28 Luật SHTT thì các dạng hành

---

<sup>4</sup>Lê Thị Thanh Tâm, “Quyền tác giả đối với công trình nghiên cứu khoa học theo pháp luật sở hữu trí tuệ từ thực tiễn Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội - Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, 2017, tr75

vi phạm QTG đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học cũng rất đa dạng .

### **2.1.3. Phương thức bảo hộ đề tài khoa học công nghệ**

Phương thức là cách thức và phương pháp tiến hành thực hiện một vấn đề nào đó được đặt ra. Ở đây, phương thức bảo hộ đề tài khoa học công nghệ chính là cách thức và các phương pháp để thực hiện bảo hộ đề tài KHCN một cách hoàn chỉnh và có hiệu quả nhất, chống lại mọi sự xâm phạm, ngăn ngừa các hành vi xâm phạm và xử lý vấn đề bồi thường thiệt hại.

Có hai phương thức để bảo hộ đề tài khoa học công nghệ như sau:

Phương thức 1: Là phương thức do chủ thể tự bảo vệ (áp dụng Điều 198 và Điều 202 của Luật Sở hữu trí tuệ)

Phương thức 2: Là các biện pháp bảo vệ do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, bao gồm các biện pháp hành chính, dân sự và hình sự.

Thứ nhất, biện pháp hành chính

Thẩm quyền xử lý hành chính theo quy định tại Nghị định 131/2013/NĐ-CP gồm nhiều cơ quan ban ngành khác nhau như: Chủ tịch UBND các cấp; Thanh tra văn hóa, thể thao và du lịch; Thanh tra chuyên ngành khác; Công an nhân dân; Bộ đội biên phòng; Cảnh sát biển; Hải quan và Quản lý thị trường.

Thứ hai, biện pháp dân sự

Biện pháp dân sự được ghi nhận tại Điều 11 BLDS năm 2015.

Chủ thể có quyền yêu cầu thực hiện biện pháp này là CSH QTG đối với đề tài KHCN.

Căn cứ xác lập quyền dân sự với đối tượng là QTG được quy định tại khoản 4 Điều 8 BLDS 2015 “Kết quả lao động, sản xuất, kinh doanh; kết quả của hoạt động sáng tạo ra đối tượng quyền SHTT;”.

Căn cứ xác lập quyền sở hữu với đối tượng là QTG được quy định tại khoản 1 Điều 221 BLDS 2015 “1. Do lao động, do sản xuất, kinh doanh hợp pháp, do hoạt động sáng tạo ra đối tượng quyền SHTT;” và theo quy định tại Điều 222 BLDS 2015 “Người tiến hành hoạt động sáng tạo có quyền sở hữu đối với tài sản có được từ hoạt động sáng tạo theo quy định của Luật SHTT.”

Chủ thể áp dụng các biện pháp này là Tòa án nhân dân, Trọng tài thương mại và trung gian hòa giải. Ngoài ra có thể áp dụng đồng thời các biện pháp xử lý hình sự hoặc xử lý vi phạm hành chính.

Yêu cầu Trọng tài thương mại giải quyết tranh chấp:

Thứ ba, biện pháp hình sự

Điều 212 Luật SHTT hiện hành quy định cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự. Cơ quan duy nhất có thẩm quyền áp dụng biện pháp hình sự là Tòa án nhân dân.

Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, về các QTG, quyền liên quan khẳng định các đối tượng của QTG, quyền liên quan được bảo vệ bằng biện pháp hình sự gồm: “tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình” (Điều 225)

Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017 quy định xử lý về hình sự đối với hành vi xâm phạm QTG đối với đề tài KH CN giới hạn trong hai nhóm hành vi: sao chép tác phẩm và phân phối đến công chúng bản sao tác phẩm. Nhưng việc sử dụng biện pháp hình sự rất khó thực hiện để bảo vệ QTG đối với đề tài KH CN trong thực tiễn.

Thứ tư, biện pháp kiểm soát biên giới

Đây là biện pháp được thực hiện thông qua hoạt động của cơ quan hải quan.

#### ***2.1.4. Khai thác và chuyển giao kết quả nghiên cứu đề tài khoa học công nghệ***

Khi một đề tài KH CN được nghiên cứu và có kết quả tích cực, áp dụng trong thực tế và có hiệu quả cao thì tác giả hay chủ sở hữu quyền tác giả có quyền được khai thác và chuyển giao kết quả của nghiên cứu.

Việc khai thác và chuyển giao kết quả nghiên cứu đề tài KH CN được thực hiện thông qua các hình thức sau:

- Hình thức thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ
- Định giá quyền sở hữu trí tuệ;
- Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ

##### ***2.1.4.1. Hình thức thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ***

Thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ thông qua nhiều phương thức khác nhau để các chủ thể thực hiện việc chuyển giao, chuyển nhượng sáng tạo đạt hiệu quả. Có hai hình thức chuyển nhượng được sử dụng để thực hiện chuyển giao các đối tượng sở hữu trí tuệ gồm:

- Chuyển nhượng đối tượng sở hữu trí tuệ:

Đây là hình thức pháp lý mà chủ sở hữu “bán” tất cả các độc quyền khai thác giá trị đối với một đối tượng cho một cá nhân hay tổ chức khác. Đối với quyền tác giả thì đối tượng chuyển nhượng là các quyền tài sản, còn những quyền nhân thân không thể chuyển giao vẫn gắn với chủ thể chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng trở thành chủ sở hữu mới nhưng không có các quyền nhân thân, không thể chuyển giao hay làm thay đổi sản phẩm. Như vậy chuyển nhượng là một hình thức pháp lý phổ biến để khai thác giá trị kinh tế của các đối tượng sở hữu trí tuệ (trong đó có quyền tác giả), tùy theo từng đối tượng cụ thể, pháp luật quy định phạm vi các quyền mà bên nhận chuyển nhượng được hưởng phát sinh từ hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- Chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ:

Chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ là một hình thức pháp lý để chủ sở hữu tài sản trí tuệ khai thác giá trị kinh tế mang lại lợi ích vật chất cho mình. Việc chuyển giao quyền sử dụng có phạm vi hạn chế hơn so với chuyển nhượng đối tượng đối tượng sở hữu trí tuệ. Đối với quyền tác giả, bên nhận quyền sử dụng chỉ được sử dụng quyền trong phạm vi nhất định, tùy theo đối tượng cụ thể, pháp luật quy định hạn chế những quyền của các bên khi xác lập hợp đồng chuyển nhượng. Các hình thức pháp lý của chuyển giao các đối tượng sở hữu trí tuệ là hợp đồng dựa trên những nguyên tắc tự do giao kết hợp đồng, thỏa thuận, bình đẳng để đảm bảo hài hòa các lợi ích thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

#### *2.1.4.2. Định giá quyền sở hữu trí tuệ*

Việc xác định giá trị tài sản trí tuệ chủ yếu dựa trên phương pháp tính chi phí, thu nhập và giá trị thặng dư, trong đó phụ thuộc vào thời gian, địa điểm, tính lợi nhuận của loại tài sản này. Nó phụ thuộc vào việc tôn trọng sự thỏa thuận của các bên và dựa trên cơ sở giá trị của tài sản trí tuệ và doanh thu dự tính thu được từ việc kinh doanh tài sản trí tuệ đó. Đối với quyền tác giả đề tài KH-CN, trong trường hợp tác giả là chủ sở hữu đề tài ủy quyền cho các tổ chức quản lý tập thể sẽ xác định giá theo tổ chức đó đưa ra khi chuyển nhượng hoặc chuyển quyền sử dụng.

Quyền tác giả đối với đề tài KH-CN được định giá dựa trên cơ sở kết hợp hài hòa ba lợi ích (lợi ích của người sáng tạo, lợi ích của nhà kinh doanh và lợi ích của người sử dụng). Trên cơ sở giá trị còn tùy theo các nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng để có tính toán giá cả cho phù hợp với thời hạn mà bên nhận chuyển giao được sử dụng, số lượng phát hành, bên nhận chuyển giao (quyền sử dụng) có được chuyển giao lại cho các chủ thể khác hay không.

#### *2.1.4.3. Chuyển giao quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu đề tài khoa học công nghệ*

Trong các trường đại học và cao đẳng, hoạt động nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ quan trọng để xây dựng trường thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học có chất lượng cao và chuyển giao các thành quả nghiên cứu vào cuộc sống.

Trong các trường cao đẳng và đại học, phòng, ban khoa học và công nghệ là đơn vị có chức năng giúp lãnh đạo trường chỉ đạo, quản lý khoa học và công nghệ, thì theo số liệu thống kê của 99 trường mà Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận được thì chỉ có 48,5% số trường có phòng khoa học và công nghệ riêng; 32,3% có phòng khoa học và hợp tác quốc tế; 8,1% có phòng quản lý khoa học và sau đại học; 8,1% có phòng đào tạo, khoa học và hợp tác quốc tế; 1% có phòng quản lý khoa học và thiết bị; 1% có đơn vị quản lý khoa học và tư vấn đào tạo và 1% chưa có phòng đảm nhiệm chức năng quản lý khoa

học<sup>5</sup>. Cơ sở vật chất được đầu tư từ nguồn kinh phí khoa học công nghệ chưa đáp ứng được nhu cầu của các trường...

Mặt khác các trường chủ yếu tập trung thực hiện nhiệm vụ đào tạo mà chưa chú trọng và quan tâm đúng mức đến nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; Các chính sách tạo động lực cho nghiên cứu khoa học chưa đủ mạnh và hấp dẫn đối với đội ngũ giảng viên; Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học trong các trường đại học và cao đẳng nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu nhất là những nghiên cứu có sử dụng các thiết bị hiện đại theo chuẩn quốc tế; Công tác thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và kiểm định chất lượng về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chưa thường xuyên, kịp thời.

Tuy nhiên, tại đa số các trường đại học, cao đẳng, các nhà khoa học chỉ chủ yếu tập trung vào nghiên cứu khoa học mà ít quan tâm đến vấn đề bảo hộ sở hữu trí tuệ trong đó có vấn đề bảo hộ quyền tác giả; đối với sinh viên lại chưa có những hiểu biết cơ bản về sở hữu trí tuệ hay chuyển giao kết quả nghiên cứu đề tài KH-CN. Vì vậy, việc sáng tạo ra tài sản trí tuệ và chuyển giao kết quả nghiên cứu cũng như bảo hộ sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng là hết sức cần thiết.

Chuyển giao quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu đề tài KH-CN được thực hiện dưới hai hình thức là chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan và chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan. Việc phân biệt này lần đầu tiên được quy định tại Mục 1 và 2 Chương VI của Luật Sở hữu trí tuệ, trong đó những quy định này đã phân biệt rõ quyền tác giả nhằm xác định và từ đó có những quy định bảo vệ tốt hơn các quyền này trong thực tiễn.

Chuyển giao quyền tác giả được quy định tại Điều 479 và Điều 742 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 45, Điều 47 Luật Sở hữu trí tuệ, việc chuyển giao được thực hiện thông qua các phương thức: Phương thức trực tiếp và phương thức gián tiếp. Các phương thức này đều thông qua sự đàm phán, thỏa thuận bình đẳng thực sự nên tạo ra động lực thúc đẩy nguồn sáng tạo cho tác giả và các thỏa thuận này có thể thực hiện dưới hình thức độc quyền hay thỏa thuận không độc quyền.

### ***2.1.5. Đánh giá thực trạng quy định pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với các đề tài nghiên cứu khoa học***

#### ***2.1.5.1. Một số kết quả trong công tác lập pháp về bảo hộ quyền tác giả đối với các đề tài nghiên cứu khoa học***

---

<sup>5</sup> Nguồn: bài tham luận của GS, TS Hoàng Ngọc Hà, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, (Bộ Giáo dục và Đào tạo) tại hội thảo Tăng cường nhận thức, trách nhiệm của cán bộ giảng viên, nhằm nâng cao hiệu quả công tác NCKH và CGCN do Công đoàn Giáo dục Việt Nam và Vụ Khoa học Công nghệ - Bộ GD và ĐT phối hợp tổ chức, ngày 17/9/2010, tr2

Cũng như các quốc gia khác, Việt Nam cũng đã quan tâm đến việc bảo hộ QTG trong các quy định của pháp luật. Các quy định bảo hộ QTG của Việt Nam được quy định ở nhiều cấp độ văn bản khác nhau. Từ kết quả công tác lập pháp, lập quy về quyền tác ở Việt Nam, có thể rút ra những nhận định cơ bản sau đây:

Thứ nhất, Việt Nam cũng đã rất quan tâm đến việc thiết lập hành lang pháp lý cho việc bảo hộ QTG, nhất là trong điều kiện hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

Thứ hai, các quy định của PLVN về bảo hộ QTG đã tạo ra sự phù hợp hơn với các chuẩn mực quốc tế, các cam kết của Việt Nam khi tham gia WTO.

Thứ ba, pháp luật QTG Việt Nam đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ lợi ích quốc gia, ngăn chặn tình trạng xâm phạm QTG cũng như tạo cơ chế cho người Việt Nam tiếp thu với nền văn hóa quốc tế ngày càng phong phú, đa dạng.

Thứ tư, pháp luật QTG Việt Nam góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật cho công chúng, các tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan.

*2.1.5.2. Một số tồn tại trong các quy định pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với các đề tài nghiên cứu khoa học*

Một là, các quy định pháp luật quyền tác ở ở nước ta chưa đủ sức ngăn chặn tình trạng xâm phạm quyền tác ngày càng gia tăng với những diễn biến phức tạp, tinh vi.

Theo thống kê sơ bộ, số vụ vi phạm về SHTT được phát hiện và xử lý bởi các cơ quan chức năng vào đầu những năm 90 thế kỷ 20 chỉ có 101 vài chục vụ, thì đến nay đã tăng đáng kể. Năm 1994 chỉ có 48 vụ (trong đó, 1 vụ xâm phạm sáng chế, 6 vụ xâm phạm kiểu dáng công nghiệp và 41 vụ xâm phạm nhãn hiệu hàng hóa), năm 2003 là 326 vụ (với số tương ứng là 23, 43 và 260), đến năm 2006 đã tăng lên gần 500 vụ (tương ứng 60, 152 và 288)<sup>6</sup>.

Hai là, pháp luật QTG Việt Nam vẫn còn nhiều điểm chưa tương thích với các quy định của các CƯ quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Trước hết, về tác phẩm không được bảo hộ, CƯ Berne không quy định các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học không được bảo hộ mà dành quyền chủ động cho các quốc gia thành viên "trong khi các tác phẩm ấy chưa được ấn định trên một hình thái vật chất nhất định" (Điều 2). Như vậy, theo CƯ Berne, căn cứ để không bảo hộ một tác phẩm không là nội dung của tác phẩm. Hầu hết các quốc gia thành viên của CƯ không quy định tác phẩm không được bảo hộ. Tuy

---

<sup>6</sup>Trần Anh Hùng, "Vấn đề bảo hộ quyền tác giả theo pháp luật Hoa Kỳ", Luận văn Thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, tr72

nhiên, PLVN lại quy định các tác phẩm không được bảo hộ và cơ sở để loại trừ các tác phẩm này khỏi sự bảo hộ là nội dung của tác phẩm vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội. Cụ thể, Nhà nước không bảo hộ các tác phẩm có nội dung chống lại nhà nước Việt Nam, phá hoại khối đoàn kết toàn dân; tuyên truyền bạo lực, chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; truyền bá tư tưởng, văn hóa phản động, lối sống dâm ô đồi trụy, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục; tiết lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại, bí mật đời tư của cá nhân và các bí mật khác do pháp luật quy định; xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân.

Thứ hai, quy định về quyền của tác giả, CSH tác phẩm, CU Berne quy định hai loại QTG là quyền tinh thần và quyền kinh tế. Quyền tinh thần gồm: quyền đứng tên tác giả của tác phẩm và quyền phản đối bất kỳ sự cắt xén, bóp méo hoặc sửa đổi tác phẩm, hoặc các hành vi xúc phạm khác liên quan đến tác phẩm mà có thể phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả (Điều 6bis). Quyền kinh tế bao gồm một số quyền sau đây: quyền dịch thuật, quyền thực hiện phóng tác và chuyển thể tác phẩm; quyền trình diễn công cộng tác phẩm kịch, nhạc kịch, âm nhạc, quyền trần thuật công cộng tác phẩm văn học, quyền truyền thông công cộng trình diễn các tác phẩm; quyền phát sóng; quyền làm bản sao; quyền cho sử dụng tác phẩm. Còn Luật SHTT Việt Nam qui định hai loại quyền là quyền nhân thân và quyền tài sản (Điều 19 và 20).

Thứ ba, việc qui định các điều kiện vật chất để sáng tạo ra tác phẩm theo Điều 37 và 38 Luật SHTT là không cần thiết. Đây là một qui định vi phạm nghiêm trọng tiêu chuẩn tối thiểu của TRIPS, vì qui định như vậy có nghĩa là việc sử dụng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất, kỹ thuật của tác giả để sáng tạo là điều kiện để tác giả được hưởng QTG. Ba là, chưa có quy định về những tội phạm mới xâm phạm QTG. Trong thời đại phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin hiện nay, rất nhiều loại hành vi vi phạm QTG mới xuất hiện như: Đưa tác phẩm vào môi trường kỹ thuật số không được sự cho phép của tác giả (ví dụ tải tác phẩm âm nhạc vào điện thoại, tải tác phẩm nhiếp ảnh vào điện thoại, máy tính...); phá hoại thông tin trên mạng, ăn cắp thông tin trên mạng bằng cách mã hóa, phá khóa hoặc sử dụng bất hợp pháp các thiết bị nhận tín hiệu, đầu đọc tín hiệu. Tuy nhiên, những loại tội phạm mới này cũng chưa được quy định trong pháp luật hình sự Việt Nam.



## 2.2. Thực tiễn bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ tại Đại học Huế

### 2.2.1. Tình hình bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ tại Đại học Huế

Đại học Huế là Đại học vùng gồm 8 trường đại học thành viên, hai khoa trực thuộc và một Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị. Theo số liệu tại cơ sở dữ liệu quản lý khoa học của Đại học Huế, đến thời điểm tháng 7 năm 2019, Đại học Huế có 4072 cán bộ, trong đó có 16 giáo sư, 241 phó giáo sư, 686 tiến sĩ, 1165 thạc sĩ. Số lượng đề xuất, thuyết minh các cấp mà Đại học Huế tham gia là 1787 đề xuất, được duyệt 670; số thuyết minh đã viết là 598, được chọn là 172 thuyết minh. Số lượng đề tài khoa học công nghệ từ năm 2013 đến năm 2018 như sau:<sup>7</sup>

Thời gian	Đề tài KHCHN cấp ĐHH	Đề tài KHCHN cấp Bộ
2013	73	9
2014	80	10
2015	79	4
2016	81	29
2017	86	22
2018	100	9

Tương ứng với quy mô của Đại học Huế, kinh phí ngân sách Nhà nước được Bộ Giáo dục và đào tạo cấp cho các hoạt động KHCHN của Đại học Huế bao gồm đề tài KHCHN, mua sắm thiết bị KHCHN và thực hiện các dự án KHCHN từ năm 2013 đến năm 2018 như sau:<sup>8</sup>

Thời gian	Kinh phí KHCHN (Đồng)
2013	19,933,500,000
2014	11,843,000,000
2015	7,883,000,000
2016	15,714,000,000
2017	9,478,000,000
2018	22,383,000,000

Có thể thấy rằng với lực lượng các nhà khoa học đông đảo, số lượng đề xuất, thuyết minh ngày càng gia tăng theo thời gian, số lượng đề tài phong phú, đa dạng trên nhiều lĩnh vực như nông lâm, y học, kinh tế, khoa học, xã hội nhân văn, Đại học Huế đã từng bước trở thành trung tâm đào tạo và

<sup>7</sup> Nguồn: cơ sở dữ liệu khoa học của Đại học Huế

<sup>8</sup> Báo cáo quyết toán các năm của ĐHH do Ban KHTC cung cấp

ngiên cứu khoa học có chất lượng của khu vực miền Trung cũng như cả nước.

Từ năm 2008 đến nay, Đại học Huế đã ban hành nhiều văn bản quy định về vấn đề bảo hộ sở hữu trí tuệ trong đó có bảo hộ quyền tác giả, cụ thể là các văn bản sau:

- Quyết định số 269/QĐ-ĐHH-KHCN ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại các đơn vị trực thuộc Đại học Huế.

- Quyết định số 998/QĐ-ĐHH ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Chiến lược phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ của Đại học Huế giai đoạn 2015 – 2020 và định hướng đến năm 2025.

- Quyết định số 1023/QĐ-ĐHH ngày 24 tháng 8 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại Đại học Huế.

Các quy định của pháp luật hiện hành và các quy định trong toàn Đại học Huế đã tạo nên một hành lang pháp lý an toàn, khuyến khích các hoạt động sáng tạo cũng như bảo hộ những thành quả của lao động trí tuệ. Cụ thể là từ năm 2015 đến nay, trong bất kỳ quyết định nào liên quan đến lĩnh vực KHCN đều có nêu các căn cứ của Luật Sở hữu trí tuệ cũng như Quy chế quản lý sở hữu trí tuệ cũng như các điều khoản thi hành có tính bắt buộc đối với các chủ thể tham gia đề tài KHCN nhằm bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, trong đó có quyền tác giả.

Nhận thức được vai trò quan trọng của SHTT trong hoạt động của cơ sở giáo dục đại học, ngay từ khi Luật Sở hữu trí tuệ được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Lãnh đạo Đại học Huế đã chỉ đạo Ban Khoa học - Công nghệ (hiện nay được đổi tên là Ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường) xây dựng kế hoạch nhằm tuyên truyền, phổ biến những kiến thức cơ bản về SHTT cho cán bộ giảng viên và sinh viên Đại học Huế.

Thông qua các lớp tập huấn phổ biến kiến thức về SHTT cho từng đối tượng cụ thể (cán bộ quản lý, cộng tác viên trong mạng lưới chuyên trách SHTT, giảng viên, nhà khoa học, nhà nghiên cứu), Đại học Huế kết hợp triển khai thực hiện công tác phổ biến các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ (Luật số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009); Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền SHTT và quản lý nhà nước về SHTT; Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 ban hành Quy định về quản lý hoạt động SHTT trong cơ sở giáo dục đại học.

### **2.2.2. Những vướng mắc trong bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ tại Đại học Huế**

Ở Việt Nam nói chung và tại Đại học Huế nói riêng, vấn đề bảo hộ sở hữu trí tuệ trong đó bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài KHCN còn là vấn đề mới và nhiều bất ngờ và gặp một số trường hợp sau:

Trường hợp một: Quyền sao chép tác phẩm là một trong những quyền tài sản cơ bản và quan trọng nhất của tác giả, CSH tác phẩm và quyền này được bảo hộ theo quy định của pháp luật.

Quyền sao chép được bảo hộ từ góc độ pháp luật quốc tế và cả góc độ pháp luật quốc gia. Trên thực tế, việc sao chép tác phẩm để tạo ra bản sao tác phẩm được thực hiện bằng nhiều hình thức, trong đó có hình thức sao chụp để tạo ra bản sao tác phẩm bằng các thiết bị có tính năng chụp, quét tái tạo lại hình ảnh của tác phẩm, như: máy scan, máy photocopy hoặc máy chụp ảnh...(9)

Trường hợp hai: giảng viên hướng dẫn sinh viên, học viên làm các luận văn, các đề tài nghiên cứu khoa học nhưng sau khi hoàn thành lại công bố công trình của sinh viên, học viên hoặc lấy đó làm tư liệu để làm các thuyết minh, dự án, đề tài KHCN cũng là một hiện tượng vi phạm QTG.

Trường hợp ba: đề tài KHCN do nhóm nghiên cứu thực hiện nhưng trong đó chỉ có thực chất một tác giả thực sự, những tác giả khác là ăn theo hoặc đứng tên đồng tác giả nhưng không có công hiến gì. Tuy nhiên vì các mối quan hệ xã hội và đồng nghiệp, việc đứng tên đồng tác giả vẫn diễn ra và việc xác định ai là tác giả thật sự là một việc rất tế nhị vì vậy đã ảnh hưởng không ít tới uy tín của tác giả cũng như tính chịu trách nhiệm khoa học của những đồng tác giả đó.

#### **2.2.2.1. Nguyên nhân của những vướng mắc trong bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ:**

\* Xuất phát từ quy định của hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ

Hệ thống pháp luật của Việt Nam về SHTT đang trong quá trình hoàn thiện nên vẫn còn nhiều hạn chế, chính vì vậy khi áp dụng vào thực tiễn vẫn còn nhiều bất cập, cụ thể là:

- Chưa có văn bản cụ thể nào quy định việc bảo hộ đối với các đề tài KHCN mà chỉ là những quy định mang tính chung cho tất cả các tác phẩm thuộc các lĩnh vực khác nhau; những quy định này không tập trung mà được phân tán tại các văn bản luật khác nhau như Bộ Luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật SHTT và các văn bản hướng dẫn luật khác.

---

<sup>9</sup>Đặng Công Tráng, Lâm Thành Sơn, “Hoạt động sao chụp tác phẩm của tác giả trong hệ thống giáo dục: Thực trạng và một số kiến nghị”, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Trà Vinh, 2017, Số 25, <http://tckh.tvu.edu.vn/tap-chi-khoa-hoc/so-25-32017>

- Các quy định về bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài KHCCN không được quy định cụ thể trong Luật Sở hữu trí tuệ mà chỉ đưa ra khái niệm chung về “tác phẩm” khoa học, các điều luật phần lớn lại quy định về tác phẩm văn học nghệ thuật nên có thể nói bảo hộ đề tài KHCCN chưa được quan tâm đúng mức.

- Nội dung các quy định pháp luật về bảo hộ QTG đối với đề tài KHCCN không đầy đủ và thiếu sự thuyết phục như xác định tính nguyên gốc hay lựa chọn cơ chế bảo hộ đối với đề tài KHCCN; các quy định về chế tài xử lý chưa đủ nghiêm khắc, chế tài hình sự phải kèm thêm các quy định về yếu tố cấu thành tội phạm, chính vì thế việc áp dụng trong thực tế không đủ sự răn đe cho các đối tượng vi phạm.

\* Xuất phát từ nhận thức vấn đề bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ:

- Hiểu biết về SHTT (kiến thức và thực hành quy trình nghiệp vụ đăng ký quyền SHTT) còn hạn chế.

- Nhận thức của đa số nhà khoa học, nhà nghiên cứu về vấn đề đăng ký bảo hộ quyền SHTT (trong đó có bảo hộ quyền tác giả) vẫn chưa cao, chưa có ý thức chủ động tự bảo vệ quyền của mình cũng như tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

- Trong các trường đại học, cao đẳng hiện nay vẫn xảy ra tình trạng thực hiện đề tài KHCCN không đáp ứng nhu cầu xã hội nên các kết quả nghiên cứu không mang tính cạnh tranh và khó tham gia vào thị trường công nghệ. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, từ năm 2001 đến năm 2005, trong các trường thuộc khối nông lâm – ngư nghiệp – kỹ thuật đã thực hiện được 10.250 hợp đồng KHCCN và chuyển giao KHCCN, thu được 1.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, đối với các kết quả nghiên cứu không gắn với đời sống xã hội và doanh nghiệp thì không được quan tâm đến vấn đề sở hữu trí tuệ, trong đó có bảo hộ quyền tác giả đối với kết quả của các đề tài KHCCN. Vì vậy, trong hoạt động NCKH của hệ thống giáo dục cần có sự phối hợp liên ngành và cần có sự cạnh tranh cũng như sự đầu tư kinh phí phù hợp, có như vậy mới có thể thúc đẩy sự sáng tạo, thúc đẩy nghiên cứu để tạo ra những sản phẩm có chất lượng, mang tính kinh tế cao và được chú trọng việc chuyển giao công nghệ cũng như bảo hộ quyền tác giả.

\* Về cơ chế thực hiện việc bảo hộ:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ, Quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký. Như vậy, cơ chế bảo hộ QTG là bảo hộ tự động.

Tuy nhiên, nhược điểm của cơ chế bảo hộ tự động là khó khăn trong việc xác định tác giả, chủ sở hữu tác giả. Nếu không chứng minh được thời điểm hình thành tác phẩm thì tác giả rất dễ bị mất quyền sở hữu đối với trong tác phẩm của mình khi bị xâm phạm.

Quy định của pháp luật là như vậy nhưng thực tế cho thấy trong hàng trăm thuyết minh, đề tài KHCN hàng năm của Đại học Huế thì đến thời điểm tháng 6 năm 2019 chỉ có 14 sản phẩm KHCN đăng ký sở hữu trí tuệ, đây là con số quá ít so với tỷ lệ các sản phẩm được hoàn thiện trong các năm qua. Điều này không thể đổ lỗi hoàn toàn cho cơ chế mà ở đây là vấn đề cách thức thực hiện, bởi trong thực tiễn, để đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ trong đó có QTG phải trải qua nhiều giai đoạn, nhiều thủ tục hành chính khác nhau nên đã làm “nhụt khí” các nhà khoa học, vốn dĩ chỉ là người chuyên tâm nghiên cứu và sáng tạo. Từ năm 2015, sau khi Giám đốc Đại học Huế ban hành Quyết định số 1023/QĐ-ĐHH ngày 24 tháng 8 năm 2015 thì trong tất cả các quyết định công nhận kết quả nghiên cứu đề tài KHCN các cấp của Đại học Huế đã bổ sung thêm điều khoản về việc Đại học Huế là chủ sở hữu quyền sở hữu đối với các kết quả nghiên cứu được công nhận, điều này được xem là một bước tiến trong nhận thức của nhà quản lý và trong cả người sáng tạo khoa học.

Các quy định này là phù hợp với quy định chung của hệ thống pháp luật trong lĩnh vực SHTT, tuy nhiên thực tế cho thấy rằng, với bản chất mang tính thông tin, các kết quả nghiên cứu không chỉ thuộc tại sản phẩm cuối cùng mà là cả một quy trình nghiên cứu từ lúc manh nha ý tưởng, thiết kế, đánh giá định tính, định lượng tái kiểm chứng, sơ kết, nghiệm thu nên cần xác lập quyền đối với từng đối với từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu đó.<sup>10</sup>

Mặt khác, các kết quả nghiên cứu về lý thuyết nhằm phục vụ cho các mục tiêu KHCN của quy trình liên quan, tuy nhiên đôi khi các kết quả này lại không có tác dụng phục vụ trực tiếp cho mục tiêu ban đầu mà lại có giá trị với một mục tiêu KHCN khác hoặc tạo nên điểm rẽ cho các hướng nghiên cứu phái sinh và có thể không được đề cập đến trong báo cáo nghiệm thu. Chính vì vậy, việc nhận biết sự tồn tại và tiến hành các biện pháp quản lý, khai thác là cần thiết đối với đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thì đó là trách nhiệm của cơ quan quản lý KHCN<sup>11</sup> mà cụ thể là Ban KHCNMT thuộc Đại học Huế. Thực tế cho thấy hầu hết các báo cáo nghiệm thu vẫn còn mang tính hình thức và không được quan tâm đến nội dung này.

Sau khi ban hành Quyết định số 1023 ngày 24/8/2015 thì trong tất cả các quyết định công nhận kết quả nghiên cứu đề tài KHCN của Đại học Huế đều quy định tại Điều 3 là “Đại học Huế là chủ sở hữu quyền sở hữu các kết quả

---

<sup>10</sup> Đào Minh Đức, Tạp chí phát triển Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP HCM, số 11/2005, tr83

<sup>11</sup> Đào Minh Đức, Tạp chí phát triển Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP HCM, số 11/2005, tr84

ngiên cứu” của các đề tài được thành lập hội đồng nghiệm thu. Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì quyền sở hữu bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt nhưng thực tế chủ sở hữu không thể ngăn cấm người khác nắm giữ các thông tin thuộc quyền sở hữu của mình mà chỉ có thể ngăn cấm người khác trong việc sử dụng các thông tin đó theo nguyên tắc cân bằng giữa một bên là lợi ích của chủ sở hữu và một bên là lợi ích chung của xã hội và quyền này có thể mang tính độc quyền tuyệt đối hoặc độc quyền tương đối. Có thể thấy rằng, với những đề tài KHCN được đầu tư với kinh phí lớn, có sản phẩm mang tính ứng dụng cao, mang lại giá trị kinh tế và lợi ích lâu dài thì mới được quan tâm đến bảo hộ sở hữu trí tuệ. Thế nhưng để bảo hộ QTG đối với những sản phẩm khoa học này, cần có thêm một động tác nữa đó là thực hiện thủ tục đăng ký quyền tác giả tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo tính an toàn cho các kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN. Việc làm này trở nên chông chéo với quy định tính chất bảo hộ tự động của tác phẩm và các nhà khoa học nếu không quan tâm sẽ không thực hiện tốt công tác bảo hộ cho đề tài KHCN của mình.

## **Tiểu kết chương 2**

Trên cơ sở những trình bày, phân tích ở Chương 2 cho thấy Luật Sở hữu trí tuệ cũng những văn bản luật khác đã trở thành một hệ thống pháp lý khá đầy đủ và ngày càng hoàn thiện hơn về nội dung cũng như các cách thức thực hiện nhằm bảo đảm cho hoạt động bảo hộ sở hữu trí tuệ trong đó có bảo hộ quyền tác giả được thực hiện đúng pháp luật. Pháp luật hiện hành tại Việt Nam đã quy định về vấn đề quyền tác giả như điều kiện bảo hộ QTG, chủ thể QTG, nội dung QTG, thời hạn và giới hạn bảo hộ cũng như vấn đề xác lập QTG, hành vi xâm hại QTG và các biện pháp bảo vệ quyền này khá đầy đủ và phù hợp với pháp luật quốc tế, tuy nhiên, vẫn còn quá ít quy định riêng cho vấn đề bảo hộ QTG đối với các đề tài KHCN mà chỉ được lồng ghép trong các quy định chung chung, sử dụng các quy định về QTG của Luật SHTT để áp dụng với QTG đối với đề tài KHCN.

Thực tiễn áp dụng và thực thi pháp luật việc bảo hộ QTG đối với các đề tài KHCN đã cho thấy nhiều bất cập và nhiều vấn đề nảy sinh từ nhiều nguyên nhân khác nhau, vì thế cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và bổ sung thêm các quy định cụ thể về QTG đối với đề tài KHCN để đảm bảo việc bảo hộ có hiệu quả, tích cực và phù hợp với những lao động trí tuệ trong thời đại số này.

### **CHƯƠNG 3**

## **ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TẠI ĐẠI HỌC HUẾ**

### **3.1. Nhu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ**

Hệ thống pháp luật Việt Nam quy định về SHTT đã được các nước trên thế giới đánh giá là phù hợp với các quy định của WTO, phù hợp với chuẩn mực của Hiệp định TRIPS và các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia. Nhưng điều này không có nghĩa là chúng ta rập khuôn với những quy định quốc tế đó mà có sự học hỏi, kế thừa để phù hợp với tình hình thực tế của đất nước và thông lệ quốc tế.

Hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật vẫn tương đối cồng kềnh và phức tạp, gồm nhiều tầng nấc với các văn bản hướng dẫn thi hành khác nhau; tính đồng bộ và thống nhất trong quy định giữa các văn bản pháp luật chưa cao; một số quy định chưa chi tiết, rõ ràng dẫn đến nhiều cách hiểu và thi hành khác nhau; một số quy định còn thiếu tính khả thi, không thực sự phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Chính vì vậy, nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, Việt Nam cần hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo hộ QTG đối với KHHCN trong đó có các đề tài KHHCN, đó là một nhu cầu và điều kiện tất yếu phải thực hiện bởi rằng, khi được bảo hộ trong một môi trường pháp lý thuận lợi sẽ tạo động lực cho hoạt động nghiên cứu, sáng tạo trong tất cả mọi lĩnh vực của đời sống, trong đó có KHHCN.

### **3.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật về quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ**

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật về bảo hộ QTG đối với đề tài KHHCN cần đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật Việt Nam. Pháp luật về bảo hộ QTG đối với các đề tài KHHCN phải phù hợp với Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác, đảm bảo sự thống nhất của toàn bộ hệ thống pháp luật; không có mâu thuẫn, trùng lặp hay chồng chéo; văn bản của cấp dưới không được trái với văn bản của cấp trên, kể cả về nội dung và hình thức.

Luật SHTT không định nghĩa thuật ngữ “tác giả”, nhưng Nghị định 100/2006/NĐ-CP tại Điều 8 đã quy định: “Tác giả là người trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học”, đồng thời không quy định tác giả là pháp nhân, do đó có thể nói rằng tác giả chỉ có thể là cá nhân.

Luật SHTT cũng không định nghĩa thuật ngữ “đồng tác giả” mà mặc nhiên quan niệm trong trường hợp có từ hai tác giả trở lên cùng sáng tạo nên một tác phẩm thì họ là các đồng tác giả của tác phẩm đó. Quan niệm này quá đơn giản và không bao hàm được hết các nội hàm của thuật ngữ này và chỉ điều chỉnh được mối quan hệ về quyền tài sản đối với tác phẩm giữa các đồng tác giả chứ không điều chỉnh được quyền nhân thân đối với tác phẩm nói chung và kết quả của đề tài KHCN nói riêng.

Khoản 12 Điều 28 Luật SHTT coi hành vi cố ý huỷ bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình là xâm phạm quyền tác giả. Nên đặt quy định này trong một điều khoản khác, bởi lẽ không thể coi các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm là một bộ phận của tác phẩm, vì nội dung của quyền tác giả chỉ bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản (được quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật)

- Khoản 4 Điều 4 Nghị định 100/2006/NĐ-CP quy định chi tiết: “Bản sao tác phẩm là bản sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hoặc toàn bộ tác phẩm”, không thể coi bản sao một phần tác phẩm là bản sao tác phẩm được, chỉ có bản sao toàn bộ tác phẩm mới là bản sao tác phẩm. Bởi lẽ, nếu quan niệm như vậy thì phân trích dẫn tác phẩm cũng bị coi là bản sao tác phẩm, trong khi pháp luật điều chỉnh về phân trích dẫn của tác phẩm và bản sao tác phẩm là rất khác nhau<sup>12</sup>

+ Quyền trích dẫn tác phẩm không bị pháp luật ngăn cấm như đã quy định tại điều 25 của Luật.

+ Quyền sao chép tác phẩm là một trong những quyền thuộc nhóm quyền tài sản được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 20 của Luật, quyền này chỉ thuộc độc quyền của chủ sở hữu tác phẩm. Thực chất quyền sao chép theo định nghĩa tại Khoản 10 điều 4: “Sao chép là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo bản sao dưới hình thức điện tử”.

Với các đề tài KHCN, việc các kết quả nghiên cứu được thể hiện dưới dạng bản thuyết minh bằng giấy hay được lưu trữ trong các thiết bị điện tử nhằm phục vụ việc báo cáo cơ quan quản lý và cấp kinh phí cần phân định rõ khái niệm này nhằm bảo hộ các quyền của tác giả một cách hiệu quả.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật về bảo hộ QTG đối với đề tài KHCN cần đảm bảo yếu tố thực thi hay phù hợp với thực tiễn của đời sống xã hội. Thực

---

<sup>12</sup> Trần Văn Hải

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,

Đại học Quốc gia Hà Nội

Tạp chí Luật học số 07 (122) 7.2010, trang 13-18. ISSN: 0868 – 3522,



té cho thấy rằng, sự điều chỉnh các quan hệ xã hội của pháp luật sẽ không có hiệu quả nếu pháp luật đó không gắn với thực tiễn, cụ thể là

Khoản 2 Điều 30 Nghị định 100/2006/NĐ-CP quy định chi tiết: “Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan khi phát hiện các hành vi xâm phạm quyền nhân thân quy định tại khoản 1, 2 và 4 Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ đối với các tác phẩm đã kết thúc thời hạn bảo hộ thì có quyền yêu cầu người có hành vi xâm phạm chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại”. Một phần của quy định này không có khả năng thực thi, bởi lẽ:

+ Tác phẩm đã kết thúc thời hạn bảo hộ quyền tài sản, do đó cụm từ “bồi thường thiệt hại” chắc chắn không phải là bồi thường về vật chất;

+ Nếu bồi thường về uy tín và danh dự của tác giả thì tổ chức, cá nhân nào là chủ thể nhận bồi thường? Hơn nữa, hành vi này chỉ xâm phạm các quyền nhân thân không thể chuyển giao được quy định tại các khoản 1, 2 và 4 điều 19 của Luật (mà các quyền này lại vĩnh viễn thuộc về tác giả - là người đã chết).

Để cho chặt chẽ, nên bỏ cụm từ “bồi thường thiệt hại” trong quy định trên.

Thứ ba, hoàn thiện pháp luật về bảo hộ QTG đối với đề tài KHCN cần phù hợp với xu thế hội nhập và phù hợp với những quy định tại các Điều ước quốc tế về bảo hộ QTG mà Việt Nam là thành viên.

Công ước Berne định nghĩa tác phẩm là sản phẩm sáng tạo tinh thần mang dấu ấn cá nhân, trong khi đó Việt Nam định nghĩa tác phẩm chỉ là "sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào".

CỦ Berne quy định hai loại QTG là quyền tinh thần và quyền kinh tế. Quyền tinh thần gồm: quyền đứng tên tác giả của tác phẩm và quyền phản đối bất kỳ sự cắt xén, bóp méo hoặc sửa đổi tác phẩm, hoặc các hành vi xúc phạm khác liên quan đến tác phẩm mà có thể phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả (Điều 6bis). Quyền kinh tế bao gồm một số quyền sau đây: quyền dịch thuật, quyền thực hiện phóng tác và chuyển thể tác phẩm; quyền trình diễn công cộng tác phẩm kịch, nhạc kịch, âm nhạc, quyền trần thuật công cộng tác phẩm văn học, quyền truyền thông công cộng trình diễn các tác phẩm; quyền phát sóng; quyền làm bản sao; quyền cho sử dụng tác phẩm. Còn Luật SHTT Việt Nam qui định hai loại quyền là quyền nhân thân và quyền tài sản (Điều 19 và 20).

Thứ tư, hoàn thiện pháp luật về bảo hộ QTG đối với đề tài KHCN cần đảm bảo hài hoà giữa lợi ích của chủ thể của QTG và lợi ích xã hội, cụ thể là việc qui định các điều kiện vật chất để sáng tạo ra tác phẩm theo Điều 37 và 38 Luật SHTT là không cần thiết. Đây là một qui định vi phạm nghiêm trọng

tiêu chuẩn tối thiểu của TRIPS, vì qui định như vậy có CU Berne quy định hai loại QTG là quyền tinh thần và quyền kinh tế. Theo tiêu chuẩn quốc tế tối thiểu, một tác phẩm- mà tác giả được hưởng QTG- sẽ được Luật QTG công nhận bảo hộ chỉ với một điều kiện duy nhất: nó phải là sản phẩm sáng tạo tinh thần mang dấu ấn cá nhân. Thời gian, chi phí tài chính, công sức, nội dung đạo đức, v.v... không được phép là điều kiện công nhận QTG.

### **3.3. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ**

Để hạn chế tình trạng xâm phạm quyền tác giả đối với các đề tài khoa học công nghệ và nâng cao hiệu quả tính bảo hộ của Luật Sở hữu trí tuệ, cần có những giải pháp nhằm hạn chế các lỗ hổng còn thiếu của hệ thống pháp luật, các giải pháp này xuất phát từ những điểm chưa hợp lý, còn bất cập trong vấn đề bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài KH-CN.

#### **3.3.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ**

\* Giải pháp về việc xác định chủ thể bảo hộ quyền tác giả:

Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam quy định đề tài KH-CN được bảo hộ theo quyền tác giả, điều này là phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, khái niệm của thuật ngữ “tác giả” và “đồng tác giả” vẫn còn nhiều điều chưa cụ thể. Mặc dù Luật SHTT năm 2005, sửa đổi năm 2009 không định nghĩa thuật ngữ “tác giả”, nhưng Điều 8 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP đã quy định: “Tác giả là người trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học”, đồng thời Nghị định này không quy định tác giả là pháp nhân, do đó có thể nói rằng tác giả chỉ có thể là cá nhân. Pháp luật Việt Nam về SHTT cũng không định nghĩa thuật ngữ “đồng tác giả” mà mặc nhiên quan niệm trong trường hợp có từ hai tác giả trở lên cùng sáng tạo nên một tác phẩm thì họ là các đồng tác giả của tác phẩm đó.

\* Giải pháp về việc xác lập quyền nhân thân

Quyền nhân thân có thể được chia thành quyền nhân thân không thể chuyển giao (quy định tại các Khoản 1, 2, 4 Điều 19 của Luật SHTT) và quyền có thể chuyển giao (quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Luật SHTT), quyền nhân thân không thể chuyển giao được bảo hộ vô thời hạn và tồn tại vĩnh viễn cùng với tác phẩm. Trong các quyền nhân thân không thể chuyển giao thì quyền “bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả” được coi là quan trọng nhất và trong thực tiễn nó cũng hay bị xâm phạm nhất.

Cụm từ gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả có thể làm cho khoản 4 Điều 19 của Luật SHTT được hiểu là nếu một người thực hiện hành vi sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm của người khác nhưng lại

chứng minh được là hành vi đó không gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả hoặc chứng minh là hành vi đó đã làm cho tác phẩm tốt lên thì không vi phạm khoản 4 Điều 19.

Để tránh việc hiểu như phân tích ở trên, khoản 3 Điều 22 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP quy định chi tiết: “Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm quy định tại khoản 4 Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ là việc không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm trừ trường hợp có thoả thuận của tác giả”. Ngoài việc những người soạn thảo Nghị định số 100/2006/NĐ-CP đã tùy tiện cắt xén cụm từ “xuyên tạc” trong khoản 4 Điều 19, thì quy định này lại không thể giải quyết được trường hợp nếu tác giả đã qua đời thì người sử dụng tác phẩm sẽ “thỏa thuận” với ai? Tất nhiên không thể thỏa thuận với người thừa kế quyền tài sản đối với tác phẩm vì quyền nhân thân quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 19 của Luật SHTT là không thể chuyển giao.

Ngoài ra, điểm d khoản 2 Điều 738 Bộ Luật Dân sự năm 2005 chỉ quy định quyền nhân thân: “Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm.”

Để hoàn thiện vấn đề này, theo tác giả nên sửa đổi quyền nhân thân không thể chuyển giao tại khoản 4 Điều 19 như điểm d khoản 2 Điều 738 Bộ Luật Dân sự 2005 đã quy định.

\* Về quy định thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ

Đề tài KHCN được bảo hộ theo quy định tại Điều 27 của Luật SHTT năm 2009 là vĩnh viễn, điều này đã làm hạn chế quyền của chủ sở hữu quyền tác giả đối với đề tài KHCN và với người sử dụng. Quyền nhân thân quy định tại Khoản 3 Điều 19 và quyền tài sản tại Điều 20 Luật SHTT thì thời hạn bảo hộ là suốt đời của tác giả và năm mươi năm tiếp theo sau khi tác giả qua đời; quy định này là quá dài bởi vốn dĩ KHCN là những nghiên cứu và phát minh nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và nhu cầu của xã hội trong từng giai đoạn nhất định, nó dễ bị lạc hậu trong thời đại công nghệ số ngày nay nên quy định trên đã làm cản trở sự phát triển của KHCN.

Chính vì vậy nên có quy định theo hướng rút ngắn thời gian bảo hộ các nghiên cứu của các đề tài KHCN sẽ thuộc về công chúng và mọi người đều có thể sử dụng, đồng thời thúc đẩy sự sáng tạo cũng như phát triển KHCN ngày càng mạnh mẽ hơn.

\* Về các quy định chế tài xử lý vi phạm:

Chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực SHTT nói chung và trong vấn đề bảo hộ quyền tác giả nói riêng vẫn chưa thực sự mang lại hiệu quả. Với hình thức xử phạt hành chính, mức phạt vẫn còn thấp so với việc vi phạm quyền tác giả của các đề tài KHCN, đặc biệt là đề tài cấp Bộ hay đề tài cấp Nhà

nước mà kinh phí đầu tư là hàng tỷ đồng. Đối với xử lý hình sự thì các quy định vẫn mang tính đơn giản, chưa đi sâu vào quy định mức phạt phù hợp với cấu thành tội phạm và chưa nêu cụ thể các yếu tố cấu thành tội phạm để xử lý hình sự một cách thuyết phục nhất.

### ***3.3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện về quyền tác giả đối với đề tài khoa học công nghệ tại Đại học Huế***

Với những bất cập về tình trạng xâm phạm QTG ở Việt Nam, tôi xin đề xuất những giải pháp đẩy nhằm bảo vệ QTG đối với đề tài KH-CN ở Việt Nam nói chung và ở các cơ sở giáo dục đại học nói riêng như sau:

Thứ nhất, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng pháp luật SHTT đến với quần chúng nhân dân, đặc biệt là những giảng viên, sinh viên thông qua phương tiện thông tin truyền thông để QTG được quan tâm đúng mức.

Thứ hai, các cá nhân, tổ chức là tác giả, CSH tác phẩm, bên cạnh việc đăng ký bảo hộ và trông chờ sự bảo hộ của luật pháp, thì hơn ai hết, bản thân chủ thể quyền phải chủ động bảo vệ tác phẩm của mình.

Thứ ba, tăng cường lực lượng thanh tra, giám sát chặt chẽ vấn đề bản quyền theo Luật SHTT. Có thể xây dựng đề án thành lập một phòng, ban chuyên về quản lý vấn đề bản quyền dành cho tác phẩm, ấn phẩm trong các trường đại học - cao đẳng thực hiện nhiệm vụ NCKH. Hằng năm phải tổ chức Hội thảo cấp trường, cấp Bộ, cấp quốc gia để đánh giá, tổng kết tình hình vi phạm QTG để đưa ra giải pháp thích hợp cho tình trạng này.

Thứ tư, cần xây dựng cơ chế quản lý và bảo hộ quyền SHTT một cách hiệu quả hơn. Ở các cơ sở giáo dục, cần thiết thành lập “Hiệp hội bảo vệ quyền SHTT trong các trường đại học” ở Việt Nam. Điều này đúng với thực tiễn khi QTG ở hệ thống giáo dục đại học - cao đẳng ở Việt Nam đang bị “xài chừa” ở tình trạng báo động. Theo tôi mỗi trường nên đề xuất cử đại diện tham gia hiệp hội này để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho giảng viên, sinh viên của trường. Hiệp hội hoạt động có điều lệ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận...

Thứ năm, phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệp hội các trường Đại học, Cục SHTT, cơ quan an ninh... tạo cơ chế pháp lý giúp ngăn chặn hiện tượng vi phạm QTG trong hệ thống trường Đại học ở Việt Nam.

Thứ sáu, đơn giản hóa tổ chức và hoạt động của cơ quan giám sát, thanh tra vi phạm QTG. Nhà nước nên quy định chỉ một cơ quan duy nhất xử lý cá nhân, tổ chức vi phạm trong lĩnh vực bản QTG. Có như vậy mới tránh khỏi tình trạng chông chéo trong quá trình giám sát hoạt động lĩnh vực này. Đồng thời, về quy định của pháp luật, nên quy định trong một văn bản luật nhất định. Hạn chế sự dàn trải những quy định của pháp luật về lĩnh vực SHTT.

\* Đối với Đại học Huế, các giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện về bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài KHCN cụ thể như sau:

- Trước hết, để bảo vệ tốt quyền tác giả, bản thân các nhà khoa học, các chủ sở hữu QTG mà ở đây là Đại học Huế khuyến khích việc đăng ký QTG tại Cục bản quyền tác giả. Đây không phải là thủ tục hành chính bắt buộc để xác lập QTG vì theo Luật SHTT thì QTG đã được hình thành ngay khi tác phẩm được sáng tác ra, tuy nhiên việc làm này sẽ là biện pháp bảo đảm ngăn ngừa các hậu quả khi có tranh chấp xảy ra.

Ngoài ra, có thể bảo vệ quyền tác giả trong luật sở hữu trí tuệ bằng cách áp dụng các biện pháp cứng rắn hơn bao gồm các biện pháp dân sự, hành chính, hình sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu QTG. Trong đó, biện pháp có thể thực hiện được là các biện pháp dân sự, thông qua toà án, chủ sở hữu QTG có quyền có thể yêu cầu toà án áp dụng những biện pháp dân sự đối với người vi phạm theo Điều 202 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 ( sửa đổi bổ sung 2009).

Như vậy, với việc vi phạm QTG thì hậu quả của nó ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế cũng như văn hóa của người dân Việt Nam. Một mặt nó làm thất thu một nguồn thuế của nhà nước, làm giảm nhiệt huyết của người nghiên cứu. Mặt khác nó triệt tiêu sức sáng tạo và khiến giới đầu tư e ngại khi thâm nhập lĩnh vực kinh doanh giáo dục.

Điều đó cho thấy, bảo vệ QTG nói chung và bảo vệ QTG ở các trường đại học đang là vấn đề cấp thiết cần được cơ quan nhà nước mạnh tay chấn chỉnh để thúc đẩy sự sáng tạo của công dân trong các lĩnh vực khoa học, văn học, nghệ thuật, tạo ra một môi trường bản quyền lành mạnh, có hiệu quả và có tính bền vững.

### **Tiểu kết chương 3**

Quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với đề tài KHCN là một lĩnh vực khá mới nên tiềm ẩn nhiều lợi ích cũng như thách thức cho công tác thực hiện các quyền này tại các cơ sở giáo dục. Qua những phân tích, đánh giá tại Chương 3 đã khái quát được tình hình bảo hộ cũng như xâm phạm quyền tác giả đối với các đề tài KHCN trong môi trường giáo dục đại học cũng như hệ thống pháp luật, những thành tựu và vướng mắc trong cơ chế thực hiện để bảo hộ các quyền này; từ đó đã đề xuất các giải pháp và kiến nghị, góp phần trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền tác giả và trong hoạt động bảo hộ quyền tác giả đối với các đề tài khoa học công nghệ.

## KẾT LUẬN

Con người chúng ta đang sống trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, là thời kỳ khoa học công nghệ phát triển rực rỡ và có những bước chuyển mình mạnh mẽ nhất của nền khoa học nhân loại, hướng đến nền kinh tế tri thức. Có thể thấy rằng, nhờ tri thức con người mới phát huy sự sáng tạo một cách tuyệt đối, đưa những kiến thức của nhân loại áp dụng vào đời sống, với những phát minh, sáng kiến đi vào lịch sử và mang hàm lượng trí tuệ gần như tuyệt đối. Chính vì vậy cần bảo vệ những thành quả này bằng cơ chế và hệ thống pháp luật phù hợp để các nhà khoa học tăng cường khả năng sáng tạo và người dùng có cơ hội tiếp cận với sự tiến bộ của nhân loại. Tuy nhiên, những vụ việc xâm phạm trong lĩnh vực khoa học thường xuyên xảy ra và ngày càng tinh vi hơn đã gây ra những tác hại không hề nhỏ đến nỗ lực bảo hộ sở hữu trí tuệ trong đó có bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài KHCHN.

Việc hoàn thiện và kiện toàn hệ thống bảo hộ nói chung và bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài KHCHN nói riêng đang được Đảng và Nhà nước quan tâm, cụ thể tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương khóa VIII đã khẳng định “làm tốt công tác bảo hộ quyền tác giả” để phát triển sự nghiệp khoa học, góp phần xây dựng đất nước trong công cuộc hội nhập và phát triển.

Trong phạm vi nghiên cứu, luận văn đã tìm hiểu, phân tích các vấn đề lý luận chung về đề tài KHCHN cũng như các quy định của pháp luật quốc tế, pháp luật Việt Nam về bảo hộ QTG đối với đề tài KHCHN. Trên cơ sở những lý luận đó, luận văn đã phân tích khá kỹ các quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả đối với đề tài KHCHN cũng như tình hình xâm phạm QTG từ đó tổng kết lại những điều đã làm được và chưa làm được của Nhà nước trong việc bảo hộ QTG đối với đề tài KHCHN, đồng thời đưa ra một số giải pháp cả về mặt pháp lý và kỹ thuật để khắc phục những tồn tại và hạn chế trong quá trình thực thi pháp luật tại các cơ sở giáo dục nói chung và tại Đại học Huế nói riêng.

Với những nội dung trên đây, tác giả hy vọng đề tài sẽ góp một phần nhỏ vào quá trình hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo hộ QTG đối với đề tài KHCHN.